

Số: 6521/QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Hướng dẫn đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5906/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 và được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐHV ngày 05 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;



Căn cứ Quyết định số 1721/QĐ-HVN ngày 15/4/2025 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2286/QĐ-HVN ngày 19/5/2025 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 6219/QĐ-HVN ngày 18/12/2025 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học theo phương thức tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 6516/QĐ-HVN ngày 31/12/2025 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc ban hành Quy định Đảm bảo chất lượng giáo dục;

Căn cứ quyết định số 6517/QĐ-HVN ngày 31/12/2025 của giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam ban hành Quy định về so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục;

Căn cứ quyết định số 6519/QĐ-HVN ngày 31/12/2025 của giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam ban hành Quy định lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 6520/QĐ-HVN ngày 31/12/2025 của giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam ban hành Quy định về xây dựng, cải tiến mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành hướng dẫn đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra.


**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

**Điều 3.** Trưởng Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế, Trưởng Ban Quản lý đào tạo, Trưởng Ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các khoa chuyên môn, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu VT, ĐBCL&PC, HTHH (4).

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Phạm Văn Cường*

KỶ TRƯỞNG

HƯỚNG DẪN  
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Chương I  
THÔNG TIN CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này hướng dẫn đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Học viện).

Người học được đánh giá dựa vào chuẩn đầu ra của học phần hiện hành và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo khóa học của mình.

2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ được hiểu thống nhất như sau:

1. *Học phần* là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong trường trình đào tạo. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

2. *Chuẩn đầu ra học phần (CLO - Course Learning Outcome)* là yêu cầu tối thiểu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học ngay tại thời điểm kết thúc học phần.

3. *Đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của học phần* là quá trình sử dụng các công cụ nhằm thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu để đánh giá, đo lường mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của học phần đã công bố. Khi đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần, có thể sử dụng các phương pháp đánh giá trực tiếp, gián tiếp, định lượng và định tính phù hợp với chuẩn đầu ra cần đo lường đánh giá.

4. *Đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo* là quá trình sử dụng các công cụ nhằm thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu để đánh giá, đo lường

mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố. Khi đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, có thể sử dụng các phương pháp đánh giá trực tiếp, gián tiếp, định lượng và định tính phù hợp với chuẩn đầu ra cần đo lường đánh giá.

5. *Ma trận IPRM* là ma trận đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Trong đó: **I** – Giới thiệu (Introduction): Làm thành công dưới sự hướng dẫn các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra; **P** – Thực hiện (Practice): Làm một mình thành công nhưng chưa thành thạo các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra; **R** – củng cố (Reinforce): Làm một mình thành thạo các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra nhưng chưa biết hướng dẫn cho người khác; **M** – Đạt được (Master): thực hiện chuẩn đầu ra một cách độc lập và hướng dẫn cho người khác.

### **3. Mục đích, yêu cầu**

#### **3.1. Mục đích**

Thống nhất cách đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học trong Học viện đáp ứng với các quy định hiện hành.

Hướng dẫn giảng viên cách xác định mức độ người học đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm so với chuẩn đầu ra của học phần, trên cơ sở đó giảng viên cải tiến và nâng cao chất lượng dạy và học nhằm giúp người học đạt chuẩn đầu ra học phần.

Hướng dẫn các Khoa chuyên môn xác định mức độ người học đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm so với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, trên cơ sở đó khoa thực hiện cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo giúp người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

#### **3.2. Yêu cầu**

Việc triển khai đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của học phần phải được mỗi giảng viên phụ trách giảng dạy chính thực hiện vào thời điểm sau khi thi kết thúc học phần và tổng kết điểm.

Việc triển khai đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phải được khoa chuyên môn thực hiện vào cuối mỗi năm học và tại các thời điểm tốt nghiệp.

Việc đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của giảng viên và các khoa chuyên môn phải đảm bảo được thực hiện nghiêm túc, trung thực và đúng quy định.

Số lượng người học cần thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

- + 100% người học đối với học phần/chương trình đào tạo có dưới 30 người học;
- + Tối thiểu 30 người học đối với học phần/chương trình đào tạo có từ 30 người học trở lên.

## **Chương II**

### **ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN**

#### **1. Xây dựng kế hoạch đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của học phần**

Vào đầu mỗi năm học, dựa trên Kế hoạch đảm bảo chất lượng tổng thể của Học viện, Khoa lập Kế hoạch đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của học phần theo biểu mẫu tại Phụ lục 1.

#### **2. Người học tự đánh giá mức độ bản thân đạt được các chuẩn đầu ra của học phần thông qua phiếu khảo sát**

##### ***2.1. Hoàn thiện phiếu khảo sát mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần***

Giảng viên xây dựng phiếu khảo sát mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần theo biểu mẫu tại Phụ lục 2.

Vào buổi cuối của học phần, giảng viên phổ biến và gửi cho người học phiếu khảo sát mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần bằng hình thức phiếu giấy hoặc online.

##### ***2.2. Đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần thông qua kết quả khảo sát***

***2.2.1. Đánh mức độ người học đạt chỉ báo chuẩn đầu ra học phần thông qua kết quả khảo sát (Phụ lục 3.1)***

Mở sheet 1 “**1. Danh gia đạt CI qua KQ KS**”

- Điền thông tin về Mã sinh viên, Họ tên, Tên lớp, Chuẩn đầu ra học phần, chỉ báo chuẩn đầu ra học phần và kết quả khảo sát người học tự đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu

ra học phần vào bảng Tổng hợp kết quả khảo sát mức độ người học đạt chỉ báo chuẩn đầu ra học phần.

- Giảng viên có thể thêm hoặc xóa bớt chuẩn đầu ra, chỉ báo chuẩn đầu ra học phần sao cho khớp với thông tin trong bảng 3 của đề cương chi tiết học phần và thêm hoặc xóa bớt số lượng người học được khảo sát.

1. KHOA ...		2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...		3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...		4. Chương trình đào tạo:		5. Bảng tổng hợp kết quả khảo sát mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần										6. Tổng hợp số lượng và tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần	
TT	Mã SV	Họ tên	Tên lớp	7. Chuẩn đầu ra học phần										Mức độ NH đạt CLO	Kết quả	8. Tổng hợp số lượng và tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần			
				CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10			Mức	Số SV	Tỷ lệ	
1	665669	Nguyễn Văn A	THA-K65	45.00	38.33	40.00	40.00	35.00	50.00	31.67	35.00	35.00	40.00	39.00	Không đạt	Mức	2	2.0	
2	665670	Nguyễn Văn B	THA-K65	33.33	40.00	30.00	33.33	30.00	43.33	31.67	41.67	36.67	33.00	35.00	Không đạt	Không đạt	2	2.0	
3	665671	Nguyễn Văn C	THA-K65	48.33	51.00	51.67	54.33	57.67	51.67	54.33	57.67	57.67	62.67	54.70	Đạt	Đạt	24	24.0	
4	665672	Nguyễn Văn D	THA-K65	58.67	70.00	62.67	79.33	66.67	62.67	79.33	66.67	79.33	63.33	69.87	Đạt khá	Đạt khá	51	51.0	
5	665673	Nguyễn Văn E	THA-K65	55.67	48.33	65.67	47.33	61.67	65.67	47.33	60.00	47.33	63.33	56.23	Đạt khá	Đạt tốt	22	22.0	
6	665674	Nguyễn Văn F	THA-K65	72.67	62.33	73.33	62.33	65.67	73.33	65.00	65.67	65.00	64.00	66.93	Đạt xuất sắc	Đạt xuất sắc	1	1.0	
7	665675	Nguyễn Văn G	THA-K65	43.33	53.33	70.00	70.00	53.33	70.00	70.00	53.33	70.00	55.00	60.83	Đạt khá	Đạt tốt	3	3.0	
8	665676	Nguyễn Văn H	THA-K65	51.67	61.67	36.67	58.33	41.67	36.67	58.33	41.67	58.33	43.33	48.83	Đạt	Đạt	1	1.0	
9	665677	Nguyễn Văn M	THA-K65	43.67	48.33	52.00	50.33	56.67	52.00	50.33	56.67	50.33	53.33	51.37	Đạt	Đạt	1	1.0	
10	665678	Nguyễn Văn N	THA-K65	44.67	58.67	46.67	52.00	60.00	46.67	52.00	60.00	52.00	66.67	53.93	Đạt	Đạt	1	1.0	
11	665679	Nguyễn Văn K	THA-K65	62.33	76.00	60.00	74.33	68.33	60.00	73.33	68.33	73.33	68.33	68.43	Đạt khá	Đạt khá	1	1.0	
12	665680	Nguyễn Văn O	THA-K65	51.67	71.67	58.33	50.00	58.33	50.00	60.00	60.00	50.00	60.00	57.00	Đạt khá	Đạt khá	1	1.0	
13	665681	Nguyễn Văn A	THA-K65	46.33	58.33	64.67	43.00	73.33	64.67	40.00	73.33	40.00	73.33	57.70	Đạt khá	Đạt	1	1.0	
14	665682	Nguyễn Văn B	THA-K65	41.00	46.67	61.67	38.33	70.00	61.67	38.33	70.00	38.33	70.00	53.60	Đạt	Đạt	1	1.0	
15	665683	Nguyễn Văn C	THA-K65	67.67	72.67	71.67	66.00	75.00	71.67	63.33	75.00	63.33	75.00	70.13	Đạt tốt	Đạt	1	1.0	
21	665684	Nguyễn Văn D	THA-K65	53.33	51.67	48.33	63.33	48.33	45.00	60.00	48.33	63.33	53.50	50.00	Đạt	Đạt	1	1.0	
29	665685	Nguyễn Văn E	THA-K65	60.00	56.67	61.67	61.67	53.33	61.67	63.33	53.33	61.67	53.33	58.67	Đạt khá	Đạt	1	1.0	
17	665686	Nguyễn Văn F	THA-K65	48.33	58.33	56.67	70.00	68.33	56.67	70.00	68.33	56.67	70.00	62.33	Đạt khá	Đạt	1	1.0	
25	665687	Nguyễn Văn G	THA-K65	73.00	79.67	68.33	71.33	76.67	68.33	71.67	76.67	71.67	73.33	73.07	Đạt tốt	Đạt	1	1.0	
26	665688	Nguyễn Văn H	THA-K65	60.00	72.33	75.00	70.00	76.67	75.00	70.00	76.67	70.00	76.67	72.23	Đạt tốt	Đạt	1	1.0	

Sau khi giảng viên nhập thông tin và dữ liệu khảo sát vào bảng, kết quả đánh giá Mức độ người học đạt chỉ báo chuẩn đầu ra học phần sẽ tự động hiển thị tại cột “Tổng số CI”, “Số lượng CI”, “Tỷ lệ CI” và các dòng “Tổng số sinh viên”, “Số lượng sinh viên”, “Tỉ lệ sinh viên”.

2.2.2. Đánh mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần thông qua kết quả khảo sát (Phụ lục 3.2)

Mở sheet 2 “2. Danh gia đạt CLO qua KQ KS”

1. KHOA ...		2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...		3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...		4. Chương trình đào tạo:		5. Bảng tổng hợp kết quả khảo sát mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần										6. Tổng hợp số lượng và tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần		
TT	Mã SV	Họ tên	Tên lớp	7. Chuẩn đầu ra học phần										Mức độ NH đạt CLO	Kết quả	8. Tổng hợp số lượng và tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần				
				CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10			Mức	Số SV	Tỷ lệ		
7	665669	Nguyễn Văn A	THA-K65	45.00	38.33	40.00	40.00	35.00	50.00	31.67	35.00	35.00	40.00	39.00	Không đạt	Mức	2	2.0		
8	665670	Nguyễn Văn B	THA-K65	33.33	40.00	30.00	33.33	30.00	43.33	31.67	41.67	36.67	33.00	35.00	Không đạt	Không đạt	2	2.0		
9	665671	Nguyễn Văn C	THA-K65	48.33	51.00	51.67	54.33	57.67	51.67	54.33	57.67	57.67	62.67	54.70	Đạt	Đạt	24	24.0		
10	665672	Nguyễn Văn D	THA-K65	58.67	70.00	62.67	79.33	66.67	62.67	79.33	66.67	79.33	63.33	69.87	Đạt khá	Đạt khá	51	51.0		
11	665673	Nguyễn Văn E	THA-K65	55.67	48.33	65.67	47.33	61.67	65.67	47.33	60.00	47.33	63.33	56.23	Đạt khá	Đạt tốt	22	22.0		
12	665674	Nguyễn Văn F	THA-K65	72.67	62.33	73.33	62.33	65.67	73.33	65.00	65.67	65.00	64.00	66.93	Đạt xuất sắc	Đạt xuất sắc	1	1.0		
13	665675	Nguyễn Văn G	THA-K65	43.33	53.33	70.00	70.00	53.33	70.00	70.00	53.33	70.00	55.00	60.83	Đạt khá	Đạt tốt	3	3.0		
14	665676	Nguyễn Văn H	THA-K65	51.67	61.67	36.67	58.33	41.67	36.67	58.33	41.67	58.33	43.33	48.83	Đạt	Đạt	1	1.0		
15	665677	Nguyễn Văn M	THA-K65	43.67	48.33	52.00	50.33	56.67	52.00	50.33	56.67	50.33	53.33	51.37	Đạt	Đạt	1	1.0		
16	665678	Nguyễn Văn N	THA-K65	44.67	58.67	46.67	52.00	60.00	46.67	52.00	60.00	52.00	66.67	53.93	Đạt	Đạt	1	1.0		
17	665679	Nguyễn Văn K	THA-K65	62.33	76.00	60.00	74.33	68.33	60.00	73.33	68.33	73.33	68.33	68.43	Đạt khá	Đạt khá	1	1.0		
18	665680	Nguyễn Văn O	THA-K65	51.67	71.67	58.33	50.00	58.33	50.00	60.00	60.00	50.00	60.00	57.00	Đạt khá	Đạt khá	1	1.0		
19	665681	Nguyễn Văn A	THA-K65	46.33	58.33	64.67	43.00	73.33	64.67	40.00	73.33	40.00	73.33	57.70	Đạt khá	Đạt	1	1.0		
20	665682	Nguyễn Văn B	THA-K65	41.00	46.67	61.67	38.33	70.00	61.67	38.33	70.00	38.33	70.00	53.60	Đạt	Đạt	1	1.0		
21	665683	Nguyễn Văn C	THA-K65	67.67	72.67	71.67	66.00	75.00	71.67	63.33	75.00	63.33	75.00	70.13	Đạt tốt	Đạt	1	1.0		
22	665684	Nguyễn Văn D	THA-K65	53.33	51.67	48.33	63.33	48.33	45.00	60.00	48.33	63.33	53.50	50.00	Đạt	Đạt	1	1.0		
29	665685	Nguyễn Văn E	THA-K65	60.00	56.67	61.67	61.67	53.33	61.67	63.33	53.33	61.67	53.33	58.67	Đạt khá	Đạt	1	1.0		
17	665686	Nguyễn Văn F	THA-K65	48.33	58.33	56.67	70.00	68.33	56.67	70.00	68.33	56.67	70.00	62.33	Đạt khá	Đạt	1	1.0		
25	665687	Nguyễn Văn G	THA-K65	73.00	79.67	68.33	71.33	76.67	68.33	71.67	76.67	71.67	73.33	73.07	Đạt tốt	Đạt	1	1.0		
26	665688	Nguyễn Văn H	THA-K65	60.00	72.33	75.00	70.00	76.67	75.00	70.00	76.67	70.00	76.67	72.23	Đạt tốt	Đạt	1	1.0		

**Bước 1:** Từ sheet 1, giảng viên copy thông tin về Mã sinh viên, Họ tên, Tên lớp, Chuẩn đầu ra học phần sang sheet 2.

**Bước 2:** Giảng viên có thể thêm hoặc xóa bớt CLO sao cho khớp với thông tin trong sheet 1.

Sau khi giảng viên nhập thông tin vào bảng, kết quả Đánh mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần thông qua kết quả khảo sát sẽ tự động hiển thị tại cột “Chuẩn đầu ra học phần”, “Mức độ NH đạt CLO”, “Kết quả” và các dòng “Tổng số sinh viên”, “Số lượng sinh viên”, “Tỉ lệ sinh viên”.

### 3. Giảng viên đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của học phần thông qua kết quả kiểm tra, đánh giá học phần

Sau khi kết thúc học phần, căn cứ vào điểm tổng kết học phần, giảng viên thực hiện đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần trên file excel “**Danh gia dat CLO qua KTDG.xlsm**”.

Giảng viên mở file excel “**Danh gia dat CLO qua KTDG.xlsx**” và hoàn thiện các bảng theo hướng dẫn dưới đây.

#### 3.1. Bảng Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra học phần (Phụ lục 4.1)

Mở sheet 1 “**1. Ma tran danh gia CLO**”

- Điền thông tin vào cột (1) đến cột (6): Lấy thông tin trong Bảng 3 (Kế hoạch đánh giá và trọng số điểm) của đề cương chi tiết học phần.

- Điền thông tin vào cột (7) và cột (8):

+ Đối với tiêu chí và hệ số đánh giá: Lấy thông tin trong mục “6.3. Rubric dùng cho các hoạt động đánh giá định tính” trong đề cương chi tiết học phần.

+ Đối với Câu hỏi thi và điểm của câu hỏi thi: Lấy thông tin trong “Bảng 2. Phân tích đề thi” trong “Bản mô tả đề thi kết thúc học phần” (được lưu trong Bộ hồ sơ học phần).

MA TRẬN ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN							
Hoạt động đánh giá	CDR học phần	Chỉ báo CDR học phần được đánh giá	Điểm số của hoạt động đánh giá phân bổ cho từng Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần được đánh giá	Trọng số của chỉ báo chuẩn đầu ra học phần trên điểm toàn phần (%)	Trọng số của hoạt động đánh giá (%)	Tiêu chí đánh giá/Câu hỏi thi	Hệ số của tiêu chí đánh giá/Điểm câu hỏi thi/
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)*(6)/10	(6)	(7)	(8)
<b>Đánh giá chuyên cần</b>					<b>10</b>		
Tham dự lớp	CLO5	C15.1	2	2	10	Ví dụ: Tiêu chí 1. Thời gian tham dự	Ví dụ: 1
		C15.2	2	2		Ví dụ: Tiêu chí 2. Thời điểm tham dự	Ví dụ: 1
	CLO6	C16.1	2	2		Ví dụ: Tiêu chí 3. Tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Ví dụ: 2
		C16.2	2	2		...	...
		C16.3	2	2		...	...
<b>Đánh giá thường xuyên</b>				<b>30</b>			
Bài tập	CLO2	C12.1	3	3	10	...	...
		C12.2	2	2		...	...
	CLO3	C13.1	3	3		...	...
		C14.1	1	1		...	...
Tiểu luận	CLO2	C12.3	2	2	10	...	...
		C13.1	2	2		...	...
	CLO4	C14.2	2	2		...	...
		C14.3	2	2		...	...
		C11.3	1	1		...	...
Thi giữa kì	CLO1	C11.3	1	1	10	Ví dụ: Câu 1	Ví dụ: Câu 1: 3 điểm
		C12.3	3	3		Ví dụ: Câu 2, 3	Ví dụ: Câu 2: 3 điểm Câu 3: 4 điểm
	CLO3	C13.1	3	3		...	...
		C13.2	2	2		...	...
<b>Đánh giá cuối kì</b>				<b>60</b>			
Thi kết thúc học phần	CLO1	C11.1	2	12	60	Ví dụ: Câu 1	Ví dụ: Câu 1: 2 điểm
		C11.2	2	12		Ví dụ: Câu 2	Ví dụ: Câu 2: 2 điểm
	CLO2	C12.1	2	12		Ví dụ: Câu 3	Ví dụ: Câu 3: 3 điểm
		C12.2	2	12		Ví dụ: Câu 4	Ví dụ: Câu 4: 3 điểm
<b>Tổng</b>				<b>100%</b>	<b>100%</b>		

### 3.2. Bảng Tổng hợp điểm kiểm tra, đánh giá (Phụ lục 4.2)

Mở sheet 2 “2. Tổng hợp điểm KTDG”:

KHOA ...					BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ														
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...					Bước 1: GV copy tên của các hoạt động đánh giá từ sheet 1 vào hàng số 7 của sheet 2 này														
Chương trình đào tạo:		Tên học phần:		Mã học phần/mã nhóm:		Số tín chỉ:													
Tên Giảng viên phụ trách học phần:					Mã Giảng viên phụ trách học phần:														
					Tham dự lớp					Bài tập					Tiểu luận				
TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Thái độ tham dự và Thời gian tham dự	Tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	...	Bước 2: Theo dõi từng hoạt động đánh giá ở sheet 1, GV gom các tiêu chí đánh giá/câu hỏi thi theo CI và điền vào dòng 8 sheet 2 này	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
					CI5.1	CI5.2	CI6.1	CI6.2	CI6.3	CI2.1	CI2.2	CI3.1	CI4.1	CI4.2	CI2.3	CI3.1	CI4.1	CI4.2	CI
Điểm số của HĐĐG phân bổ từng chỉ báo CDR HP được đánh giá					1	2	2	2	2	3	2	3	1	1	2	2	1	1	1
1	665660	Nguyễn Văn A	12/01/2000	THA-K65	2	1,5	1,5	1,5	2	3	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
2	665661	Nguyễn Văn B	13/01/2000	THA-K65	1	2	2	0,5	2	2	2	2	0,5	1	2	1	1	2	2
3	665662	Nguyễn Văn C	14/01/2000	THA-K65	1	2	2	1,5	2	2	2	2,5	0,5	1	2	2	1	2	2
4	665663	Nguyễn Văn D	15/01/2000	THA-K65	1,5	2	2	2	2	2	2	1	0,5	2	2	1,5	1,5	2	2
5	665664	Nguyễn Văn E	16/01/2000	THA-K65	2	1,5	1	1,5	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1
6	665665	Nguyễn Văn F	17/01/2000	THA-K65	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
7	665666	Nguyễn Văn G	18/01/2000	THA-K65	2	1,5	2	1	1,5	2,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
8	665667	Nguyễn Văn H	19/01/2000	THA-K65	1,5	1	1,5	2	2	3	2	2	1	1	2	2	2	2	2
9	665668	Nguyễn Văn M	20/01/2000	THA-K65	2	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
10	665669	Nguyễn Văn N	21/01/2000	THA-K65	1	2	2	2	2	1	2	3	1	0,5	2	1	2	2	2
11	665670	Nguyễn Văn K	22/01/2000	THA-K65	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1
12	665671	Nguyễn Văn O	23/01/2000	THA-K65	1	2	2	2	2	2	2	2	1	0,5	2	2	2	2	2

**Bước 1:** Từ sheet 1, giảng viên copy tên của hoạt động đánh giá vào **dòng 7** của sheet 2.

**Bước 2:** Theo từng hoạt động đánh giá, giảng viên gộp các tiêu chí đánh giá/Câu hỏi thi cùng đánh giá cho một CI ở **cột 7** của sheet 1 vào **dòng 8** của sheet 2.

**Bước 3:** giảng viên copy CI tương ứng từ **cột 3** sheet 1 vào **dòng 9** của sheet 2.

**Bước 4:** Giảng viên có thể thêm hoặc xóa bớt CI sao cho khớp với thông tin trong sheet 1. Sau đó giảng viên kiểm tra và meger từng hoạt động đánh giá lại cho khớp với các CI đóng góp bên dưới.

**Bước 5:** Giảng viên copy danh sách sinh viên và điểm số theo CI của từng sinh viên vào bảng.

#### Lưu ý:

- Dữ liệu **dòng 10** sheet 2 – “Điểm số của HĐĐG phân bổ từng chỉ báo CDR học phần được đánh giá” tự động hiển thị dựa vào dữ liệu ở **cột 4** sheet 1 (tham chiếu theo hoạt động đánh giá và CI). Nếu có bổ sung thêm cột theo hướng dẫn ở trên, giảng viên kéo công thức ở cột bên cạnh sang cột mới thêm.

- Giảng viên kiểm tra lại điểm của mỗi sinh viên, đảm bảo không lớn hơn điểm số của hoạt động đánh giá phân bổ cho từng CI.

**3.3. Bảng Tính Mức độ người học đạt chỉ báo chuẩn đầu ra học phần theo từng hoạt động đánh giá (Phụ lục 4.3)**

Mở sheet 3 “3. NH đạt CI theo HDDG”:

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Mức độ người học đạt chỉ báo chuẩn đầu ra học phần theo từng hoạt động đánh giá																		Số lượng CI					Tỷ lệ CI																																	
					Thêm dự lập						Đặt lập						Tiêu bản						Tha giữa lí						Tha lại khác học phần						Số lượng CI					Tỷ lệ CI																					
					CI.1	CI.2	CI.3	CI.4	CI.5	CI.6	CI.1	CI.2	CI.3	CI.4	CI.5	CI.6	CI.1	CI.2	CI.3	CI.4	CI.5	CI.6	CI.1	CI.2	CI.3	CI.4	CI.5	CI.6	CI.1	CI.2	CI.3	CI.4	CI.5	CI.6	Không đạt	đạt	không đạt	đạt	không đạt	đạt	Không đạt	đạt	không đạt	đạt	không đạt	đạt															
Trung số của chỉ báo chuẩn đầu ra học phần trên điểm																				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2												
1	000001	Nguyễn Văn A	10/02/00	THA-K05	100	50	50	50	25	83.3	25	33.3	100	50	50	25	25	50	25	100	83.3	66.7	25	100	25	50	50	50	75	25	50	7.0	10	3.0	5.0	36.0	28.0	4.0	12.0	20.0																					
2	000002	Nguyễn Văn B	10/02/00	THA-K05	50	50	50	50	25	66.7	50	16.7	100	50	50	25	25	50	25	100	66.7	66.7	50	50	25	75	50	50	50	25	6.0	14.0	3.0	1.0	1.0	24.0	50.0	12.0	4.0	4.0																					
3	000003	Nguyễn Văn C	10/02/00	THA-K05	50	25	100	100	25	66.7	50	83.3	100	50	100	50	25	50	100	66.7	83.3	100	100	50	25	50	100	25	6.0	9.0	2.0	2.0	6.0	24.0	36.0	8.0	8.0	24.0																							
4	000004	Nguyễn Văn D	10/02/00	THA-K05	100	25	50	75	50	33.3	100	66.7	100	50	75	50	25	75	100	33.3	66.7	100	50	50	100	100	75	75	25	4.0	8.0	2.0	5.0	6.0	16.0	32.0	8.0	28.0	24.0																						
5	000005	Nguyễn Văn E	10/02/00	THA-K05	50	25	50	100	50	83.3	75	66.7	100	50	100	25	100	50	100	83.3	66.7	75	100	100	50	75	100	25	2.0	8.0	2.0	5.0	8.0	8.0	32.0	8.0	28.0	32.0																							
6	000006	Nguyễn Văn F	10/02/00	THA-K05	50	50	100	100	100	100	33.3	50	50	50	25	75	50	50	100	100	33.3	100	50	75	50	100	50	25	2.0	10.0	0.0	2.0	10.0	8.0	44.0	0.0	8.0	40.0																							
7	000007	Nguyễn Văn G	10/02/00	THA-K05	100	50	75	25	75	50	50	83.3	100	100	25	100	50	25	100	50	83.3	100	100	100	100	100	50	25	4.0	8.0	0.0	5.0	8.0	16.0	32.0	0.0	28.0	32.0																							
8	000008	Nguyễn Văn H	10/02/00	THA-K05	75	100	100	100	33.3	25	100	100	100	50	25	100	25	100	100	100	100	25	100	100	50	75	50	25	6.0	5.0	0.0	3.0	11.0	24.0	30.0	0.0	12.0	44.0																							
9	000009	Nguyễn Văn I	10/02/00	THA-K05	75	25	50	25	50	33.3	25	50	100	100	25	25	75	25	50	100	66.7	33.3	25	100	75	100	25	11.0	4.0	1.0	3.0	6.0	44.0	16.0	4.0	12.0	24.0																								
10	000010	Nguyễn Văn J	10/02/00	THA-K05	25	25	25	25	25	66.7	25	16.7	100	100	25	25	100	25	25	100	33.3	33.3	25	50	100	100	25	5.0	3.0	1.0	0.0	6.0	60.0	12.0	4.0	0.0	24.0																								
11	000011	Nguyễn Văn K	10/02/00	THA-K05	75	50	50	50	25	66.7	25	66.7	100	100	25	25	50	25	25	100	83.3	33.3	25	100	50	50	25	3.0	7.0	2.0	3.0	3.0	40.0	28.0	8.0	12.0	12.0																								
12	000012	Nguyễn Văn L	10/02/00	THA-K05	25	50	50	50	25	33.3	25	50	100	100	25	25	25	25	100	33.3	50	25	50	25	25	25	25	14.0	8.0	0.0	1.0	2.0	56.0	32.0	0.0	4.0	8.0																								
13	000013	Nguyễn Văn M	10/02/00	THA-K05	100	50	50	50	25	83.3	25	33.3	100	100	50	25	25	50	25	100	83.3	66.7	25	100	25	25	50	50	50	50	9.0	7.0	1.0	3.0	5.0	36.0	28.0	4.0	12.0	20.0																					
14	000014	Nguyễn Văn N	10/02/00	THA-K05	50	50	50	50	25	66.7	50	16.7	100	50	50	25	50	25	50	100	66.7	66.7	50	25	75	50	100	25	6.0	14.0	3.0	1.0	1.0	24.0	50.0	12.0	4.0	4.0																							
15	000015	Nguyễn Văn O	10/02/00	THA-K05	50	25	100	100	25	66.7	50	83.3	100	50	100	25	100	25	100	25	66.7	83.3	100	100	50	25	50	25	6.0	9.0	2.0	2.0	6.0	24.0	36.0	8.0	8.0	24.0																							
16	000016	Nguyễn Văn P	10/02/00	THA-K05	100	25	50	75	50	33.3	100	66.7	100	50	75	50	25	75	100	33.3	66.7	100	50	50	100	100	75	75	25	4.0	8.0	2.0	5.0	6.0	16.0	32.0	8.0	28.0	24.0																						
17	000017	Nguyễn Văn Q	10/02/00	THA-K05	50	25	50	100	50	83.3	75	66.7	100	50	100	25	100	50	100	83.3	66.7	75	100	100	50	75	100	25	2.0	8.0	2.0	5.0	8.0	8.0	32.0	8.0	28.0	32.0																							
18	000018	Nguyễn Văn R	10/02/00	THA-K05	50	50	100	100	100	33.3	50	50	50	25	75	50	50	100	100	33.3	100	50	75	50	100	50	25	2.0	10.0	0.0	2.0	10.0	8.0	44.0	0.0	8.0	40.0																								
19	000019	Nguyễn Văn S	10/02/00	THA-K05	100	50	75	25	75	50	50	83.3	100	100	25	100	50	25	100	50	83.3	100	100	100	100	100	50	25	4.0	8.0	0.0	5.0	8.0	16.0	32.0	0.0	28.0	32.0																							
20	000020	Nguyễn Văn H	10/02/00	THA-K05	75	100	100	100	33.3	25	100	100	100	50	25	100	25	100	100	100	100	25	100	100	50	75	50	25	6.0	5.0	0.0	3.0	11.0	24.0	30.0	0.0	12.0	44.0																							

**Bước 1:** Giảng viên copy tên hoạt động đánh giá, tiêu chí đánh giá và CI từ sheet 2 tương ứng vào **dòng 6, dòng 7 và dòng 8** của sheet 3.

**Bước 2:** Giảng viên copy các thông tin về người học gồm: Mã SV, Họ và tên, ngày sinh, lớp từ sheet 2 sang sheet 3. Giảng viên chèn thêm/xoá bớt dòng cho khớp với số lượng sinh viên ở sheet 2.

**Bước 3:** Giảng viên có thể thêm hoặc xoá bớt CI sao cho khớp với thông tin trong sheet 2. Sau đó giảng viên kiểm tra và meger từng hoạt động đánh giá lại cho khớp với các CI đóng góp bên dưới.

**Lưu ý:**

- Dữ liệu **dòng 9** sheet 3 – “Trọng số của chỉ báo chuẩn đầu ra học phần trên điểm toàn phần (%)” tự động hiển thị dựa vào dữ liệu ở **cột 5** sheet 1 (tham chiếu theo hoạt động đánh giá và CI).

- Dữ liệu “Mức độ người học đạt chỉ báo chuẩn đầu ra học phần theo từng hoạt động đánh giá” của từng sinh viên được tự động được tính toán và hiển thị dựa vào dữ liệu điểm của sinh viên, điểm số của HDDG phân bổ từng chỉ báo CĐR học phần được đánh giá ở sheet 2.

- Dữ liệu tỷ lệ mức độ người học đạt chỉ báo chuẩn đầu ra học phần theo từng hoạt động đánh giá và tỷ lệ chỉ báo chuẩn đầu ra mà người học đạt tự động hiển thị dựa vào “mức độ người học đạt chỉ báo chuẩn đầu ra học phần theo từng hoạt động đánh giá” của từng sinh viên trong sheet 3.



KHOA ...

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...

## MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Chương trình đào tạo:

Tên học phần:

Mã học phần/mã nhóm:

Số tín chỉ:

Tên Giảng viên phụ trách học phần:

Mã Giảng viên phụ trách học phần:

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Tỷ lệ đạt từng chuẩn đầu ra học phần của người học (%)						Mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần	Kết quả	Tổng hợp số lượng và tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần		
					CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6			Mức	Số SV	Tỷ lệ
					Trọng số của chuẩn đầu ra học phần trên điểm toàn phần (%)								Không đạt	8	8,0
					25	34	23	8	4	6		Đạt	Đạt	34	34,0
1	665669	Nguyễn Văn A	12/01/2000	THA-K65	28,0	54,4	60,9	50,0	75,0	41,7	49,0	Đạt	Đạt khá	42	42,0
2	665670	Nguyễn Văn B	13/01/2000	THA-K65	50,0	52,9	45,7	43,8	50,0	41,7	49,0	Đạt	Đạt tốt	16	16,0
3	665671	Nguyễn Văn C	14/01/2000	THA-K65	38,0	73,5	47,8	50,0	37,5	75,0	55,5	Đạt khá	Đạt xuất sắc	0	0,0
4	665672	Nguyễn Văn D	15/01/2000	THA-K65	52,0	77,9	71,7	56,3	62,5	58,3	66,5	Đạt khá	Tổng số SV	100	100
5	665673	Nguyễn Văn E	16/01/2000	THA-K65	74,0	86,8	63,0	62,5	37,5	66,7	73,0	Đạt tốt			

**Bước 1:** Giảng viên copy các thông tin về người học gồm: Mã SV, Họ và tên, ngày sinh, lớp từ sheet 2 sang sheet 4. Giảng viên chèn thêm/xoá bớt dòng cho khớp với số lượng sinh viên ở sheet 2.

**Bước 2:** Giảng viên kiểm tra và thêm/xoá bớt các CLO cho khớp với bảng 3 trong đề cương chi tiết học phần của mình.

**Lưu ý:**

- Dữ liệu “Trọng số của chuẩn đầu ra học phần trên điểm toàn phần” là tổng trọng số của các chỉ báo chuẩn đầu ra học phần trên điểm toàn phần, được tự động tính toán và hiển thị dựa vào dữ liệu ở cột (6) sheet 1.

- Dữ liệu “Tỷ lệ đạt từng chuẩn đầu ra học phần của người học” được tự động tính toán và hiển thị dựa vào dữ liệu “Mức độ người học đạt chỉ báo chuẩn đầu ra học phần theo từng hoạt động đánh giá”, “Trọng số của chỉ báo chuẩn đầu ra học phần trên điểm toàn phần” ở sheet 3 và “Trọng số của chuẩn đầu ra học phần trên điểm toàn phần” ở sheets 5.

- Dữ liệu “Mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần được tự động và tính toán dựa vào “Tỷ lệ đạt từng chuẩn đầu ra học phần của người học” của từng sinh viên.

- Dữ liệu tổng hợp số lượng và tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần sẽ được tự động tính toán và hiển thị dựa vào dữ liệu cột “Kết quả” của mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần.

- Nếu có bổ sung thêm dòng/cột theo hướng dẫn ở trên, giảng viên kéo công thức ở dòng/cột bên trên/bên cạnh sang dòng/cột mới thêm.

#### **4. Tổng hợp kết quả đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần**

Dựa vào kết quả người học tự đánh giá mức độ bản thân đạt được các chuẩn đầu ra của học phần thông qua phiếu khảo sát và kết quả giảng viên đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của học phần thông qua kết quả kiểm tra, đánh giá học phần tại Phụ lục 3.1, Phụ lục 3.2, Phụ lục 4.3, Phụ lục 4.4 và Phụ lục 4.5, giảng viên phân loại mức độ đạt được chuẩn đầu ra học phần theo 5 mức sau:

*Mức 1: Đạt dưới 40%: Không đạt*

*Mức 2: Đạt từ 40% đến dưới 55%: Đạt*

*Mức 3: Đạt từ 55% đến dưới 70%: Đạt khá*

*Mức 4: Đạt từ 70% đến dưới 85%: Đạt tốt*

*Mức 5: Đạt từ 85% đến 100%: Đạt xuất sắc*

Giảng viên tổng hợp vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần theo biểu mẫu tại Phụ lục 5.

#### **5. Khoa lưu trữ và sử dụng kết quả đánh giá**

Giảng viên lưu trữ Bảng tổng hợp kết quả đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của học phần.

Dựa trên Bảng tổng hợp kết quả đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của học phần, khoa lập Bảng đối sánh kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo biểu mẫu tại Phụ lục 6 và Kế hoạch và thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo theo biểu mẫu tại Phụ lục 7.

### **Chương III**

## **ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Khoa xây dựng kế hoạch đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Hàng năm, vào đầu năm học, dựa trên Kế hoạch đảm bảo chất lượng tổng thể của Học viện, Khoa lập Kế hoạch đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo biểu mẫu tại Phụ lục 1.



Sau khi Khoa nhập thông tin và dữ liệu khảo sát vào bảng, kết quả đánh giá Mức độ người học đạt chỉ báo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo sẽ tự động hiển thị tại cột “Tổng số PI”, “Số lượng PI”, “Tỷ lệ PI” và các dòng “Tổng số sinh viên”, “Số lượng sinh viên”, “Tỷ lệ sinh viên”.

2.2.2. Đánh mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thông qua kết quả khảo sát (Phụ lục 9.2)

### Mở sheet 2 “2. Danh gia đạt PLO qua KQ KS”

KHOA ...																		
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...																		
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO																		
TT	Mã SV	Họ tên	Tên Lớp	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo										Mức độ NH đạt PLO	Kết quả	Tổng hợp số lượng và tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần		
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10			Mức	Số SV	Tỷ lệ
1	665669	Nguyễn Văn A	THA-K65	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	Không đạt			
2	665670	Nguyễn Văn B	THA-K65	33.33	33.33	35.00	50.00	45.00	45.00	46.67	45.00	46.67	45.00	42.50	Đạt	Không đạt	6	6.0
3	665671	Nguyễn Văn C	THA-K65	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	Không đạt	Đạt	25	25.0
4	665672	Nguyễn Văn D	THA-K65	33.33	33.33	35.00	50.00	45.00	45.00	46.67	45.00	46.67	45.00	42.50	Đạt	Đạt khá	46	46.0
5	665673	Nguyễn Văn E	THA-K65	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	Không đạt	Đạt tốt	22	22.0
6	665674	Nguyễn Văn F	THA-K65	33.33	33.33	35.00	50.00	45.00	45.00	46.67	45.00	46.67	45.00	42.50	Đạt	Đạt xuất sắc	1	1.0
7	665675	Nguyễn Văn G	THA-K65	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	Không đạt			
8	665676	Nguyễn Văn H	THA-K65	33.33	33.33	35.00	50.00	45.00	45.00	46.67	45.00	46.67	45.00	42.50	Đạt			
9	665677	Nguyễn Văn M	THA-K65	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	Không đạt			
10	665678	Nguyễn Văn N	THA-K65	33.33	33.33	35.00	50.00	45.00	45.00	46.67	45.00	46.67	45.00	42.50	Đạt			
11	665679	Nguyễn Văn K	THA-K65	62.33	76.00	60.00	74.33	68.33	60.00	73.33	68.33	73.33	68.33	68.43	Đạt khá			
12	665680	Nguyễn Văn O	THA-K65	51.67	71.67	58.33	50.00	60.00	58.33	50.00	60.00	50.00	60.00	57.00	Đạt khá			
13	665681	Nguyễn Văn A	THA-K65	46.33	58.33	64.67	43.00	73.33	64.67	40.00	73.33	40.00	73.33	57.70	Đạt khá			
14	665682	Nguyễn Văn B	THA-K65	41.00	46.67	61.67	38.33	70.00	61.67	38.33	70.00	38.33	70.00	53.60	Đạt			
15	665683	Nguyễn Văn C	THA-K65	67.67	72.67	71.67	66.00	75.00	71.67	63.33	75.00	63.33	75.00	70.13	Đạt tốt			

**Bước 1:** Từ sheet 1, khoa copy thông tin về Mã sinh viên, Họ tên, Tên lớp, Chuẩn đầu ra học phần sang sheet 2.

**Bước 2:** Khoa có thể thêm hoặc xóa bớt PLO sao cho khớp với thông tin trong sheet 1.

Sau khi Khoa nhập thông tin vào bảng, kết quả Đánh mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thông qua kết quả khảo sát sẽ tự động hiển thị tại cột “Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo”, “Mức độ NH đạt PLO”, “Kết quả” và các dòng “Tổng số sinh viên”, “Số lượng sinh viên”, “Tỷ lệ sinh viên”.

### 3. Khoa triển khai đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thông qua điểm học phần

#### 3.1. Thời điểm triển khai và yêu cầu

Thời điểm triển khai: Vào tháng 8 hằng năm, Khoa gửi các biểu mẫu tại Phụ lục 10a hoặc Phụ lục 10b cho người học đang học tự đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;

Yêu cầu:

+ Đối với các chương trình đào tạo xây dựng chuẩn đầu ra không có chỉ báo theo biểu mẫu tại Phụ lục 10a.

+ Đối với các chương trình đào tạo xây dựng chuẩn đầu ra có chỉ báo theo biểu mẫu tại Phụ lục 10b.

Hoàn thiện các biểu mẫu:

+ Hoàn thiện thông tin tại sheet “2. Ma tran IPRM” của theo biểu mẫu tại Phụ lục 10a và Phụ lục 10b.

- Thêm/Xóa chuẩn đầu ra và học phần sao cho tương thích với bảng ma trận IPRM của chương trình đào tạo.

- Bổ sung đầy đủ thông tin vào các cột: (1) Nội dung của chuẩn, (2) Năm, (3) Học kỳ, (4) Số tín chỉ, (5) Mã học phần, (6) Tên học phần, (7) Mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra.

2 Năm	3 Học kỳ	4 Số tín chỉ	5 Mã học phần	6 Tên học phần	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12	CDR13	CDR14
					Nội dung CDR1	Nội dung CDR2	Nội dung CDR3	Nội dung CDR4	Nội dung CDR5	Nội dung CDR6	Nội dung CDR7	Nội dung CDR8	Nội dung CDR9	Nội dung CDR10	Nội dung CDR11	Nội dung CDR12	Nội dung CDR13	Nội dung CDR14
1	1		HP1	Những NL cơ bản của CNM&LN 1	P				I					P				I
1	1		HP2	Tin học đại cương	P						R			I				I
1	1		HP3	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế 1	I		7							P				I
1	1		HP4	Địa lý kinh tế	I			I	P			R			I			I
1	1		HP5	Kinh tế vi mô 1		R			P							I		
1	1		HP6	Giáo tiếp công chúng	M						P					P		
1	1		HP7	Tiếng anh bổ trợ	P						P					P		
1	1		HP8	Giáo dục thể chất đại cương	P						I					I		P
1	1		HP9	Kinh tế vi mô 1		R			P							I		
1	1		HP10	Pháp luật đại cương	P				P						I			
1	2		HP11	Kinh tế vi mô 2		R			P							I		P
1	2		HP12	Kinh tế vi mô 2		R			P							I	I	
1	2		HP15	Những NL cơ bản của CNM&LN 2	P				P					P	P			

+ Hoàn thiện thông tin tại sheet “3. DG mục do đạt CDR\_Toan khoa” của theo biểu mẫu tại Phụ lục 10a và Phụ lục 10b

- Thêm/Xóa chuẩn đầu ra và học phần sao cho tương thích với bảng ma trận IPRM của chương trình đào tạo

- Thực hiện copy các cột Học kỳ, Số tín chỉ, Mã học phần, Tên học phần, Mức độ đóng góp của học phần vào CDR của CTĐT từ sheet “2. Ma tran IPRM” vào các cột tương ứng trong sheet “3. DG mục do đạt CDR\_Toan khoa”

Khoa gửi các biểu mẫu cho người học bằng hình thức trực tuyến

**3.2. Người học đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra bằng cách điền các thông tin vào các biểu mẫu do Khoa cung cấp**

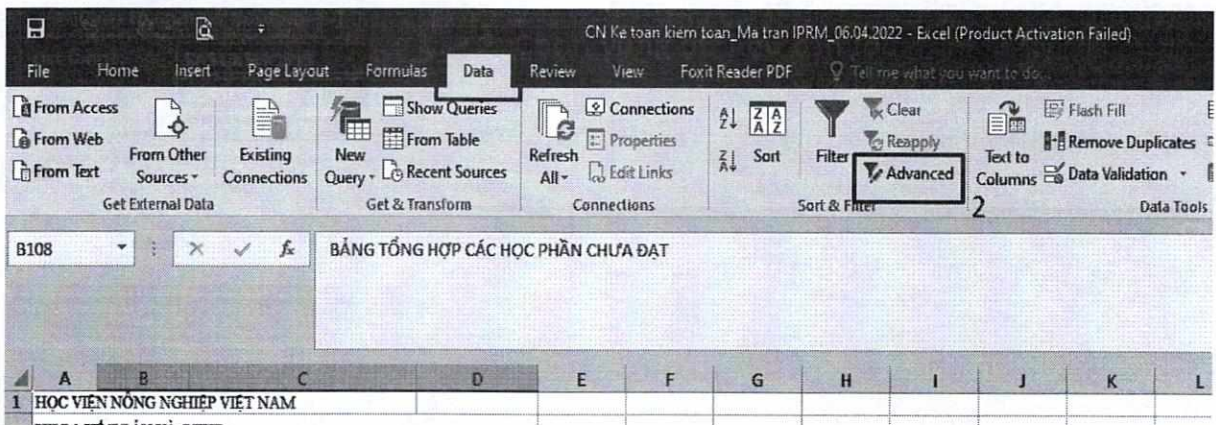
Người học/người học mới tốt nghiệp nhập điểm học phần vào cột “Điểm học phần” vào biểu mẫu tại Phụ lục 10a và Phụ lục 10b, bảng sẽ tự quy đổi ra học phần đó xếp loại nào và trích xuất số lượng học phần không đạt chuẩn đầu ra (đối với các học phần xếp loại “Kém”)

Học ki	Mã học phần	Tên học phần	Điểm học phần	CBĐ1							
				1,1		1,2		1,3		1,4	
				Mức yêu cầu	Xếp loại	Mức yêu cầu	Xếp loại	Mức yêu cầu	Xếp loại	Mức yêu cầu	Xếp loại
1	HP1	Tên HP1	4,5			I	TB kém	I	TB kém		
1	HP2	Tên HP2	7			I	Khá			I	Khá
1	HP3	Tên HP3	8								
1	HP4	Tên HP4				I		I			
1	HP5	Tên HP5									
1	HP6	Tên HP6		I							
1	HP7	Tên HP7				P				P	

### 3.3. Khoa tổng hợp các học phần chưa đạt

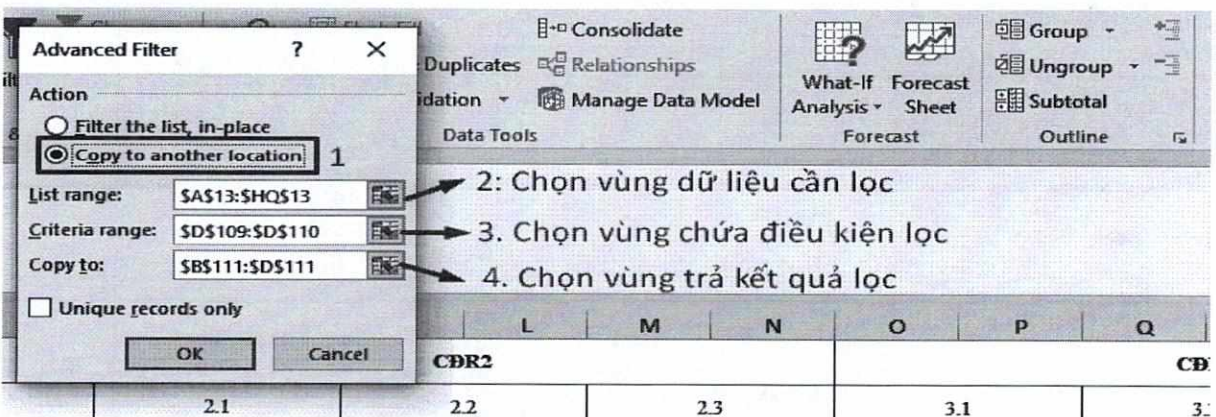
Sau khi người học tự đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bằng cách nhập điểm học phần vào biểu mẫu tại Phụ lục 10a và Phụ lục 10b, người học gửi lại cho Khoa, Khoa tổng hợp các học phần chưa đạt như sau:

+ Vào Data/Advanced



+ Thực hiện lọc dữ liệu theo điều kiện:

- Chọn copy to another location



- Chọn vùng dữ liệu cần lọc gồm 3 cột: Mã học phần, tên học phần và điểm học phần

Học kì	Mã học phần	Tên học phần	Điểm học phần	CDR1		CDR2		CDR3		CDR4		CDR5		Mức yêu cầu
				Mức yêu cầu	Xếp loại	Mức yêu cầu	Xếp loại	Mức yêu cầu	Xếp loại	Mức yêu cầu	Xếp loại	Mức yêu cầu	Xếp loại	
1	HP1	Những NL cơ bản của CNMLN 1	2	P	Kém									
1	HP2	Tin học đại cương	3	P	Kém									
1	HP3	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế 1	5	I	TB kém									
1	HP4	Địa lý kinh tế	6	I	Trung bình					I	Trung bình	P	Trung bình	
1	HP5	Kinh tế vi mô 1	7			R	Khá					P	Khá	
1	HP6	Giao tiếp công chúng	2	M	Kém									
1	HP7	Tiếng anh bổ trợ	3	P	Kém									
1	HP8	Giáo dục thể chất đại cương	5	P	TB kém									
1	HP9	Kinh tế vi mô 1	6			P	Trung bình					P	Trung bình	
1	HP10	Pháp luật đại cương	7	P	Khá							P	Khá	
1	HP11	Kinh tế vi mô 2	2			R	Kém					P	Kém	
2	HP12	Kinh tế vi mô 2	3			R	Kém					P	Kém	
2	HP13	Những NL cơ bản của CNMLN 2	5	P	TB kém							P	TB kém	
2	HP14	Nguyên lý thống kê kinh tế	6			R	Trung bình					P	Trung bình	
2	HP15	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế 2	7	I	Khá									
2	HP16	Tiếng anh 0	2	P	Kém									
2	HP17	Giáo dục thể chất	3	P	Kém									

- Chọn vùng chứa điều kiện lọc: Điểm học phần < 4

BẢNG TỔNG HỢP CÁC HỌC PHẦN CHƯA ĐẠT		
		Điểm học phần < 4
Mã học phần	Tên học phần	Điểm học phần
TH01007	Xác suất - Thống kê	3.5
KQ03008	Kế toán tài chính 1	2

- Chọn vùng trả kết quả lọc

BẢNG TỔNG HỢP CÁC HỌC PHẦN CHƯA ĐẠT		
		Điểm học phần < 4
Mã học phần	Tên học phần	Điểm học phần
TH01007	Xác suất - Thống kê	3.5
KQ03008	Kế toán tài chính 1	2

#### **4. Khoa tổng hợp kết quả đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Dựa vào kết quả người học tự đánh giá mức độ bản thân đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thông qua phiếu khảo sát và kết quả Khoa đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thông qua điểm học phần theo biểu mẫu tại Phụ lục 9.1, Phụ lục 9.2, Phụ lục 10a và Phụ lục 10b, Khoa phân loại mức độ đạt được chuẩn đầu ra học phần theo 5 mức sau:

*Mức 1: Đạt dưới 40%: Không đạt*

*Mức 2: Đạt từ 40% đến dưới 55%: Đạt*

*Mức 3: Đạt từ 55% đến dưới 70%: Đạt khá*

*Mức 4: Đạt từ 70% đến dưới 85%: Đạt tốt*

*Mức 5: Đạt từ 85% đến 100%: Đạt xuất sắc*

Khoa tính tỷ lệ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo 5 mức phân loại như trên và tổng hợp vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo biểu mẫu tại Phụ lục 11.

#### **6. Khoa lưu trữ và sử dụng kết quả đánh giá**

Khoa lưu trữ Bảng tổng hợp kết quả đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

Dựa trên Bảng tổng hợp kết quả đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Khoa lập Bảng đối sánh kết quả đánh giá mức độ đạt Chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo biểu mẫu tại Phụ lục 6, Kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo theo biểu mẫu tại Phụ lục 7./.

**PHỤ LỤC 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

KHOA .....

**KẾ HOẠCH**

**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC  
PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ....**

STT	Nội dung	Thời gian	Người phụ trách	Sản phẩm dự kiến
<b>I</b>	<b>ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN</b>			
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
<b>II</b>	<b>ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>			
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...

**TRƯỞNG KHOA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC 2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

KHOA.....  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
...

**PHIẾU KHẢO SÁT MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT  
CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**  
HỌC PHẦN.....  
TRÌNH ĐỘ.....

Để giúp nâng cao chất lượng dạy và học của học phần và đảm bảo người học đạt chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, đề nghị anh/chị cho ý kiến tự đánh giá mức độ bản thân anh/chị có thể đạt được các chỉ báo chuẩn đầu ra học phần dưới đây bằng cách điền vào ô “Tỷ lệ đạt” tỷ lệ phần trăm mức độ đạt:

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần	Tỷ lệ đạt (%)
<b>Kiến thức</b>			
1	CLO1. ...	CI1.1. ...	
2		CI1.2. ...	
3	...	...	
	...	...	
<b>Kỹ năng</b>			
...	...	...	
...	...	...	
...	...	...	
...	...	...	
...	...	...	
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
...	...	...	
...	...	...	
...	...	...	

*Chân thành cảm ơn anh/chị*

PHỤ LỤC 3.1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHỈ BẢO CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Table with columns: STT, Mã SV, Họ tên, Tên lớp, and a grid of scores for various learning outcomes (CLO1-CLO10) and their respective weights. Includes a summary row for 'TỔNG SỐ CI' and 'Tỷ lệ CI'.

**PHỤ LỤC 3.2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN																			
Chương trình đào tạo:				Tên học phần:															
TT	Mã SV	Họ tên	Tên Lớp	Chuẩn đầu ra học phần										Mức độ NH đạt CLO	Kết quả	Tổng hợp số lượng và tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần			
				CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10			Mức	Số SV	Tỷ lệ	
1	665669	Nguyễn Văn A	THA-K65	45.00	38.33	40.00	40.00	35.00	50.00	31.67	35.00	35.00	40.00	39.00	Không đạt				
2	665670	Nguyễn Văn B	THA-K65	33.33	40.00	30.00	33.33	30.00	43.33	31.67	41.67	36.67	33.00	35.30	Không đạt	Không đạt	2	2.0	
3	665671	Nguyễn Văn C	THA-K65	48.33	51.00	51.67	54.33	57.67	51.67	54.33	57.67	57.67	62.67	54.70	Đạt	Đạt	24	24.0	
4	665672	Nguyễn Văn D	THA-K65	58.67	70.00	62.67	79.33	66.67	62.67	79.33	66.67	79.33	73.33	69.87	Đạt khá	Đạt khá	51	51.0	
5	665673	Nguyễn Văn E	THA-K65	55.67	48.33	65.67	47.33	61.67	65.67	47.33	60.00	47.33	63.33	56.23	Đạt khá	Đạt tốt	22	22.0	
6	665674	Nguyễn Văn F	THA-K65	72.67	62.33	73.33	62.33	65.67	73.33	65.00	65.67	65.00	64.00	66.93	Đạt khá	Đạt xuất sắc	1	1.0	
7	665675	Nguyễn Văn G	THA-K65	43.33	53.33	70.00	70.00	53.33	70.00	70.00	53.33	70.00	55.00	60.83	Đạt khá	Tổng số SV	100	100.0	
8	665676	Nguyễn Văn H	THA-K65	51.67	61.67	36.67	58.33	41.67	36.67	58.33	41.67	58.33	43.33	48.83	Đạt				
9	665677	Nguyễn Văn M	THA-K65	43.67	48.33	52.00	50.33	56.67	52.00	50.33	56.67	50.33	53.33	51.37	Đạt				
10	665678	Nguyễn Văn N	THA-K65	44.67	58.67	46.67	52.00	60.00	46.67	52.00	60.00	52.00	66.67	53.93	Đạt				
11	665679	Nguyễn Văn K	THA-K65	62.33	76.00	60.00	74.33	68.33	60.00	73.33	68.33	73.33	68.33	68.43	Đạt khá				
12	665680	Nguyễn Văn O	THA-K65	51.67	71.67	58.33	50.00	60.00	58.33	50.00	60.00	50.00	60.00	57.00	Đạt khá				
13	665681	Nguyễn Văn A	THA-K65	46.33	58.33	64.67	43.00	73.33	64.67	40.00	73.33	40.00	73.33	57.70	Đạt khá				
14	665682	Nguyễn Văn B	THA-K65	41.00	46.67	61.67	38.33	70.00	61.67	38.33	70.00	38.33	70.00	53.60	Đạt				
15	665683	Nguyễn Văn C	THA-K65	67.67	72.67	71.67	66.00	75.00	71.67	63.33	75.00	63.33	75.00	70.13	Đạt tốt				
16	665684	Nguyễn Văn D	THA-K65	53.33	51.67	48.33	63.33	48.33	45.00	60.00	48.33	63.33	53.33	53.50	Đạt				
17	665685	Nguyễn Văn E	THA-K65	60.00	56.67	61.67	61.67	53.33	61.67	63.33	53.33	61.67	53.33	58.67	Đạt khá				
18	665686	Nguyễn Văn F	THA-K65	48.33	58.33	68.33	56.67	70.00	68.33	56.67	70.00	56.67	70.00	62.33	Đạt khá				
19	665687	Nguyễn Văn G	THA-K65	73.00	79.67	68.33	71.33	76.67	68.33	71.67	76.67	71.67	73.33	73.07	Đạt tốt				
20	665688	Nguyễn Văn H	THA-K65	60.00	72.33	75.00	70.00	76.67	75.00	70.00	76.67	70.00	76.67	72.23	Đạt tốt				

## PHỤ LỤC 4.1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

## MA TRẬN ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

MA TRẬN ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN							
Hoạt động đánh giá	CĐR học phần	Chỉ báo CĐR học phần được đánh giá	Điểm số của hoạt động đánh giá phân bổ cho từng Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần được đánh giá	Trọng số của chỉ báo chuẩn đầu ra học phần trên điểm toàn phần (%)	Trọng số của hoạt động đánh giá (%)	Tiêu chí đánh giá/Câu hỏi thi	Hệ số của tiêu chí đánh giá/Điểm câu hỏi thi/
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)*(6)/10	(6)	(7)	(8)
<b>Đánh giá chuyên cần</b>					<b>10</b>		
Tham dự lớp	CLO5	CI5.1	2	2	10	<i>Vi dụ: Tiêu chí 1. Thời gian tham dự</i>	<i>Vi dụ: 1</i>
		CI5.2	2	2		<i>Vi dụ: Tiêu chí 2. Thái độ tham dự</i>	<i>Vi dụ: 1</i>
	CLO6	CI6.1	2	2		<i>Vi dụ: Tiêu chí 3. Tham gia trả lời câu hỏi trên lớp</i>	<i>Vi dụ: 2</i>
		CI6.2	2	2		...	...
		CI6.3	2	2		...	...
<b>Đánh giá thường xuyên</b>				<b>30</b>			
Bài tập	CLO2	CI2.1	3	3	10	...	...
		CI2.2	2	2		...	...
	CLO3	CI3.1	3	3		...	...
	CLO4	CI4.1	1	1		...	...
CI4.2		1	1	...	...		
Tiểu luận	CLO2	CI2.3	2	2	10	...	...
		CLO3	CI3.1	2		2	...
	CLO4	CI4.1	2	2		...	...
		CI4.3	2	2		...	...
Thi giữa kì	CLO1	CI1.3	1	1	10	<i>Vi dụ: Câu 1</i>	<i>Vi dụ: Câu 1: 3 điểm</i>
		CLO2	CI2.3	3		3	<i>Vi dụ: Câu 2, 3</i>
	CLO3	CI3.1	3	3		...	...
		CI3.2	2	2		...	...
		CI3.3	1	1	...	...	
<b>Đánh giá cuối kì</b>					<b>60</b>		
Thi kết thúc học phần	CLO1	CI1.1	2	12	60	<i>Vi dụ: Câu 1</i>	<i>Vi dụ: Câu 1: 2 điểm</i>
		CI1.2	2	12		<i>Vi dụ: Câu 2</i>	<i>Vi dụ: Câu 2: 2 điểm</i>
	CLO2	CI2.1	2	12		<i>Vi dụ: Câu 3</i>	<i>Vi dụ: Câu 3: 3 điểm</i>
		CI2.2	2	12		<i>Vi dụ: Câu 4</i>	<i>Vi dụ: Câu 4: 3 điểm</i>
CLO3	CI3.2	2	12	...	...		
<b>Tổng</b>				<b>100%</b>	<b>100%</b>		

## PHỤ LỤC 4.2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

## BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

KHOA ...																														
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...																														
BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ																														
Chương trình đào tạo:      Tên học phần:      Mã học phần/mã nhóm:      Số tín chỉ:																														
Tên Giảng viên phụ trách học phần:      Mã Giảng viên phụ trách học phần:																														
TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Tham dự lớp					Bài tập					Tiểu luận					Thi giữa kì					Thi kết thúc học phần					
					Thái độ tham dự và Thời gian tham dự	Tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
Điểm số của HĐĐC phân bổ từng Chỉ báo CDR HP được đánh giá					2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	2	2	2	2	2	1	3	3	2	1	2	2	2	2	2	
1	665669	Nguyễn Văn A	1/12/2000	THA-K65	2	1	1	1	0.5	2.5	0.5	1	1	1	1	0.5	0.5	1	0.5	1	2.5	2	0.5	1	0.5	0.5	1	1	1.5	
2	665670	Nguyễn Văn B	1/13/2000	THA-K65	1	1	1	1	0.5	2	1	0.5	1	0.5	1	0.5	0.5	1	0.5	0.5	2	2	1	0.5	0.5	1.5	1	1	1	
3	665671	Nguyễn Văn C	1/14/2000	THA-K65	1	0.5	2	2	0.5	2	1	2.5	0.5	0.5	2	1	0.5	2	0.5	0.5	2	2.5	1	1	1	0.5	1	2	0.5	
4	665672	Nguyễn Văn D	1/15/2000	THA-K65	2	0.5	1	1.5	1	1	2	2	0.5	1	1.5	1	0.5	1.5	1	1	1	2	2	0.5	1	1	2	1.5	1.5	
5	665673	Nguyễn Văn E	1/16/2000	THA-K65	1	0.5	1	2	1	2.5	1.5	2	1	0.5	2	2	0.5	2	1	0.5	2.5	2	1.5	1	2	1	1.5	2	1	
6	665674	Nguyễn Văn F	1/17/2000	THA-K65	1	1	2	1	2	3	2	1	0.5	0.5	1	1.5	1	1	2	1	3	1	2	1	1.5	1	2	1	1	
7	665675	Nguyễn Văn G	1/18/2000	THA-K65	2	1	1.5	0.5	1.5	1.5	1	2.5	1	1	0.5	2	1	0.5	1.5	0.5	1.5	2.5	1	1	2	2	1	0.5	2	
8	665676	Nguyễn Văn H	1/19/2000	THA-K65	1.5	2	2	2	2	1	0.5	3	1	0.5	0.5	1	2	0.5	2	1	1.5	3	0.5	1	1	1.5	1	0.5	1.5	
9	665677	Nguyễn Văn M	1/20/2000	THA-K65	1.5	0.5	1	0.5	1	1	0.5	1.5	1	1	0.5	0.5	1.5	0.5	1	1	2	1	0.5	1	1.5	2	0.5	0.5	2	
10	665678	Nguyễn Văn N	1/21/2000	THA-K65	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	2	0.5	0.5	1	1	0.5	0.5	2	0.5	0.5	1	1	1	0.5	0.5	2	1	2	0.5	1	
11	665679	Nguyễn Văn K	1/22/2000	THA-K65	1.5	1	1	1	0.5	2	0.5	2	0.5	1	0.5	0.5	1	0.5	0.5	1	2.5	2.5	0.5	1	1	0.5	1	0.5	0.5	
12	665680	Nguyễn Văn O	1/23/2000	THA-K65	0.5	1	1	1	0.5	1	0.5	1.5	1	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	1	1	1.5	0.5	0.5	0.5	1	1.5	0.5	0.5	
13	665681	Nguyễn Văn A	1/12/2000	THA-K65	2	1	1	1	0.5	2.5	0.5	1	1	1	1	0.5	0.5	1	0.5	1	2.5	2	0.5	1	0.5	0.5	1	1	1.5	
14	665682	Nguyễn Văn B	1/13/2000	THA-K65	1	1	1	1	0.5	2	1	0.5	1	0.5	1	0.5	0.5	1	0.5	0.5	2	2	1	0.5	0.5	1.5	1	1	1	
15	665683	Nguyễn Văn C	1/14/2000	THA-K65	1	0.5	2	2	0.5	2	1	2.5	0.5	0.5	2	1	0.5	2	0.5	0.5	2	2.5	1	1	1	0.5	1	2	0.5	

**PHỤ LỤC 4.3**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)*

**MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHỈ BÁO CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN THEO TỪNG HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ**

KHOA ...																																																															
CHƯƠNG TRÌNH BẢO TẠO ...																																																															
<b>MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHỈ BÁO CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN THEO TỪNG HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ</b>																																																															
Chương trình đào tạo:                      Tên học phần:                      Mã học phần mã nhóm:                      Số tín chỉ:																																																															
Tên Giảng viên phụ trách học phần:                      Mã Giảng viên phụ trách học phần:																																																															
TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Tham dự lớp					Bài tập					Tiểu luận					Thi giữa kì					Thi kết thúc học phần					Tổng số lượt CI được đánh giá	Số lượng CI					Tỷ lệ CI																											
					Thời độ tham dự và Thời gian tham dự	Tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...												...	...	...																				
					CI5.1	CI5.2	CI6.1	CI6.2	CI6.3	CI2.1	CI2.2	CI3.1	CI4.1	CI4.2	CI2.3	CI3.1	CI4.1	CI4.2	CI4.3	CI1.3	CI2.3	CI3.1	CI3.2	CI3.3	CI1.1	CI1.2	CI2.1	CI2.2	CI3.2																																		
Trọng số của chỉ báo chuẩn đầu ra học phần trên điểm toàn phần (%)																																																															
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">3</td><td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">3</td><td style="width: 2%;">1</td><td style="width: 2%;">1</td><td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">1</td><td style="width: 2%;">3</td><td style="width: 2%;">3</td><td style="width: 2%;">2</td><td style="width: 2%;">1</td><td style="width: 2%;">12</td><td style="width: 2%;">12</td><td style="width: 2%;">12</td><td style="width: 2%;">12</td><td style="width: 2%;">12</td><td style="width: 2%;">25</td><td style="width: 2%;">9.0</td><td style="width: 2%;">7.0</td><td style="width: 2%;">1.0</td><td style="width: 2%;">3.0</td><td style="width: 2%;">5.0</td><td style="width: 2%;">36.0</td><td style="width: 2%;">28.0</td><td style="width: 2%;">4.0</td><td style="width: 2%;">12.0</td><td style="width: 2%;">20.0</td> </tr> </table>																												2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	2	2	2	2	2	1	3	3	2	1	12	12	12	12	12	25	9.0	7.0	1.0	3.0	5.0	36.0	28.0	4.0	12.0	20.0
2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	2	2	2	2	2	1	3	3	2	1	12	12	12	12	12	25	9.0	7.0	1.0	3.0	5.0	36.0	28.0	4.0	12.0	20.0																												
1	665669	Nguyễn Văn A	1/12/2000	THA-K65	100.0	50.0	50.0	50.0	25.0	83.3	25.0	33.3	100.0	100.0	50.0	25.0	25.0	50.0	25.0	100.0	83.3	66.7	25.0	100.0	25.0	25.0	50.0	50.0	75.0	25	9.0	7.0	1.0	3.0	5.0	36.0	28.0	4.0	12.0	20.0																							
2	665670	Nguyễn Văn B	1/13/2000	THA-K65	50.0	50.0	50.0	50.0	25.0	66.7	50.0	16.7	100.0	50.0	50.0	25.0	25.0	50.0	25.0	50.0	66.7	66.7	50.0	50.0	25.0	75.0	50.0	50.0	50.0	25	6.0	14.0	3.0	1.0	1.0	24.0	56.0	12.0	4.0	4.0																							
3	665671	Nguyễn Văn C	1/14/2000	THA-K65	50.0	25.0	100.0	100.0	25.0	66.7	50.0	83.3	50.0	50.0	100.0	50.0	25.0	100.0	25.0	50.0	66.7	83.3	50.0	100.0	50.0	25.0	50.0	100.0	25.0	25	6.0	9.0	2.0	2.0	6.0	24.0	36.0	8.0	8.0	24.0																							
4	665672	Nguyễn Văn D	1/15/2000	THA-K65	100.0	25.0	50.0	75.0	50.0	33.3	100.0	66.7	50.0	100.0	75.0	50.0	25.0	75.0	50.0	100.0	33.3	66.7	100.0	50.0	50.0	50.0	100.0	75.0	75.0	25	4.0	8.0	2.0	5.0	6.0	16.0	32.0	8.0	20.0	24.0																							
5	665673	Nguyễn Văn E	1/16/2000	THA-K65	50.0	25.0	50.0	100.0	50.0	83.3	75.0	66.7	100.0	50.0	100.0	100.0	25.0	100.0	50.0	50.0	83.3	66.7	75.0	100.0	100.0	50.0	75.0	100.0	50.0	25	2.0	8.0	2.0	5.0	8.0	8.0	32.0	8.0	20.0	32.0																							
6	665674	Nguyễn Văn F	1/17/2000	THA-K65	50.0	50.0	100.0	50.0	100.0	100.0	100.0	33.3	50.0	50.0	50.0	75.0	50.0	50.0	100.0	100.0	100.0	33.3	100.0	100.0	75.0	50.0	100.0	50.0	50.0	25	2.0	11.0	0.0	2.0	10.0	8.0	44.0	0.0	8.0	40.0																							
7	665675	Nguyễn Văn G	1/18/2000	THA-K65	100.0	50.0	75.0	25.0	75.0	50.0	50.0	83.3	100.0	100.0	25.0	100.0	50.0	25.0	75.0	50.0	50.0	83.3	50.0	100.0	100.0	100.0	50.0	25.0	100.0	25	4.0	8.0	0.0	5.0	8.0	16.0	32.0	0.0	20.0	32.0																							
8	665676	Nguyễn Văn H	1/19/2000	THA-K65	75.0	100.0	100.0	100.0	100.0	33.3	25.0	100.0	100.0	50.0	25.0	50.0	100.0	25.0	100.0	100.0	50.0	100.0	25.0	100.0	50.0	75.0	50.0	25.0	75.0	25	6.0	5.0	0.0	3.0	11.0	24.0	20.0	0.0	12.0	44.0																							
9	665677	Nguyễn Văn M	1/20/2000	THA-K65	75.0	25.0	50.0	25.0	50.0	33.3	25.0	50.0	100.0	100.0	25.0	25.0	75.0	25.0	50.0	100.0	66.7	33.3	25.0	100.0	75.0	100.0	25.0	25.0	100.0	25	11.0	4.0	1.0	3.0	6.0	44.0	16.0	4.0	12.0	24.0																							
10	665678	Nguyễn Văn N	1/21/2000	THA-K65	25.0	25.0	25.0	25.0	25.0	66.7	25.0	16.7	100.0	100.0	25.0	25.0	100.0	25.0	25.0	100.0	33.3	33.3	25.0	50.0	100.0	50.0	100.0	25.0	50.0	25	15.0	3.0	1.0	0.0	6.0	60.0	12.0	4.0	0.0	24.0																							
11	665679	Nguyễn Văn K	1/22/2000	THA-K65	75.0	50.0	50.0	50.0	25.0	66.7	25.0	66.7	50.0	100.0	25.0	25.0	50.0	25.0	25.0	100.0	83.3	83.3	25.0	100.0	50.0	25.0	50.0	25.0	25.0	25	10.0	7.0	2.0	3.0	3.0	40.0	28.0	8.0	12.0	12.0																							
12	665680	Nguyễn Văn O	1/23/2000	THA-K65	25.0	50.0	50.0	50.0	25.0	33.3	25.0	50.0	100.0	50.0	25.0	25.0	25.0	25.0	25.0	100.0	33.3	50.0	25.0	50.0	25.0	50.0	75.0	25.0	25.0	25	14.0	8.0	0.0	1.0	2.0	56.0	32.0	0.0	4.0	8.0																							
13	665681	Nguyễn Văn A	1/12/2000	THA-K65	100.0	50.0	50.0	50.0	25.0	83.3	25.0	33.3	100.0	100.0	50.0	25.0	25.0	50.0	25.0	100.0	83.3	66.7	25.0	100.0	25.0	25.0	50.0	50.0	75.0	25	9.0	7.0	1.0	3.0	5.0	36.0	28.0	4.0	12.0	20.0																							
14	665682	Nguyễn Văn B	1/13/2000	THA-K65	50.0	50.0	50.0	50.0	25.0	66.7	50.0	16.7	100.0	50.0	50.0	25.0	25.0	50.0	25.0	50.0	66.7	66.7	50.0	50.0	25.0	75.0	50.0	50.0	25	6.0	14.0	3.0	1.0	1.0	24.0	56.0	12.0	4.0	4.0																								
15	665683	Nguyễn Văn C	1/14/2000	THA-K65	50.0	25.0	100.0	100.0	25.0	66.7	50.0	83.3	50.0	50.0	100.0	50.0	25.0	100.0	25.0	50.0	66.7	83.3	50.0	100.0	50.0	25.0	50.0	100.0	25.0	25	6.0	9.0	2.0	2.0	6.0	24.0	36.0	8.0	8.0	24.0																							

## PHỤ LỤC 4.4

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

## MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHỈ BÁO CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHỈ BÁO CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN																															
KHOA ...																															
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...																															
Chương trình đào tạo: Tên học phần: Mã học phần/mã nhóm: Số tín chỉ:																															
Tên Giảng viên phụ trách học phần: Mã Giảng viên phụ trách học phần:																															
TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Mức độ người học đạt chỉ báo chuẩn đầu ra học phần																		Tổng số CI	Số lượng CI					Tỷ lệ CI		
					CLO1			CLO2			CLO3			CLO4			CLO5		CLO6			Không đạt		Đạt	Đạt khá	Đạt tốt	Đạt xuất sắc	Không đạt	Đạt	Đạt khá	Đạt
					CI1.1	CI1.2	CI1.3	CI2.1	CI2.2	CI2.3	CI3.1	CI3.2	CI3.3	CI4.1	CI4.2	CI4.3	CI5.1	CI5.2	CI6.1	CI6.2	CI6.3										
1	665669	Nguyễn Văn A	1/12/2000	THA-K65	25.0	25.0	100.0	56.7	46.4	70.0	43.8	67.9	100.0	50.0	66.7	25.0	100.0	50.0	50.0	25.0	17	4	6	4	0	3	23.5	35.3	23.5	0	
2	665670	Nguyễn Văn B	1/13/2000	THA-K65	25.0	75.0	50.0	53.3	50.0	60.0	37.5	50.0	50.0	50.0	50.0	25.0	50.0	50.0	50.0	25.0	17	4	11	1	1	0	23.5	64.7	5.9	5	
3	665671	Nguyễn Văn C	1/14/2000	THA-K65	50.0	25.0	50.0	53.3	92.9	80.0	75.0	28.6	100.0	33.3	83.3	25.0	50.0	25.0	100.0	100.0	25.0	17	6	4	0	3	4	35.3	23.5	0.0	1
4	665672	Nguyễn Văn D	1/15/2000	THA-K65	50.0	50.0	100.0	86.7	78.6	50.0	62.5	78.6	50.0	33.3	83.3	50.0	100.0	25.0	50.0	75.0	50.0	17	2	7	1	4	3	11.8	41.2	5.9	2
5	665673	Nguyễn Văn E	1/16/2000	THA-K65	100.0	50.0	50.0	76.7	96.4	90.0	75.0	53.6	100.0	50.0	83.3	50.0	25.0	50.0	100.0	50.0	17	1	8	0	3	5	5.9	47.1	0.0	1	
6	665674	Nguyễn Văn F	1/17/2000	THA-K65	75.0	50.0	100.0	100.0	57.1	80.0	43.7	57.1	100.0	50.0	50.0	100.0	50.0	50.0	100.0	50.0	100.0	17	0	7	2	2	6	0.0	41.2	11.8	1
7	665675	Nguyễn Văn G	1/18/2000	THA-K65	100.0	100.0	50.0	50.0	28.6	40.0	87.5	92.9	100.0	66.7	50.0	75.0	100.0	50.0	75.0	25.0	75.0	17	2	5	1	3	6	11.8	29.4	5.9	1
8	665676	Nguyễn Văn H	1/19/2000	THA-K65	50.0	75.0	100.0	46.7	25.0	40.0	87.5	67.9	100.0	100.0	33.3	100.0	75.0	100.0	100.0	100.0	17	2	3	1	2	9	11.8	17.6	5.9	1	
9	665677	Nguyễn Văn M	1/20/2000	THA-K65	75.0	100.0	100.0	26.7	25.0	50.0	37.5	89.3	100.0	83.3	50.0	50.0	75.0	25.0	50.0	25.0	50.0	17	5	5	0	3	4	29.4	29.4	0.0	1
10	665678	Nguyễn Văn N	1/21/2000	THA-K65	100.0	50.0	100.0	93.3	25.0	30.0	25.0	46.4	50.0	100.0	50.0	25.0	25.0	25.0	25.0	25.0	17	9	4	0	0	4	52.9	23.5	0.0	0	
11	665679	Nguyễn Văn K	1/22/2000	THA-K65	50.0	25.0	100.0	53.3	25.0	60.0	62.5	25.0	100.0	50.0	50.0	25.0	75.0	50.0	50.0	25.0	17	5	7	2	1	2	29.4	41.2	11.8	5	
12	665680	Nguyễn Văn O	1/23/2000	THA-K65	25.0	50.0	100.0	66.7	25.0	30.0	43.8	25.0	50.0	50.0	33.3	25.0	25.0	50.0	50.0	25.0	17	8	7	1	0	1	47.1	41.2	5.9	0	
13	665681	Nguyễn Văn A	1/12/2000	THA-K65	25.0	25.0	100.0	56.7	46.4	70.0	43.8	67.9	100.0	50.0	66.7	25.0	100.0	50.0	50.0	25.0	17	4	6	4	0	3	23.5	35.3	23.5	0	
14	665682	Nguyễn Văn B	1/13/2000	THA-K65	25.0	75.0	50.0	53.3	50.0	60.0	37.5	50.0	50.0	50.0	50.0	25.0	50.0	50.0	50.0	25.0	17	4	11	1	1	0	23.5	64.7	5.9	5	
15	665683	Nguyễn Văn C	1/14/2000	THA-K65	50.0	25.0	50.0	53.3	92.9	80.0	75.0	28.6	100.0	33.3	83.3	25.0	50.0	25.0	100.0	100.0	25.0	17	6	4	0	3	4	35.3	23.5	0.0	1

**PHỤ LỤC 4.5**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

**MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

KHOA ...															
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...															
<b>MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN</b>															
Chương trình đào tạo:		Tên học phần:		Mã học phần/mã nhóm:		Số tín chỉ:									
Tên Giảng viên phụ trách học phần:		Mã Giảng viên phụ trách học phần:													
												<b>Tổng hợp số lượng và tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần</b>			
TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Tỷ lệ đạt từng chuẩn đầu ra học phần của người học (%)						Mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần	Kết quả	Mức	Số SV	Tỷ lệ
					CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6					
Trọng số của chuẩn đầu ra học phần trên điểm toàn phần (%)					25	34	23	8	4	6			Không đạt	8	8.0
1	665669	Nguyễn Văn A	1/12/2000	THA-K65	28.0	54.4	60.9	50.0	75.0	41.7	49.0	Đạt	Đạt khá	42	42.0
2	665670	Nguyễn Văn B	1/13/2000	THA-K65	50.0	52.9	45.7	43.8	50.0	41.7	49.0	Đạt	Đạt tốt	16	16.0
3	665671	Nguyễn Văn C	1/14/2000	THA-K65	38.0	73.5	47.8	50.0	37.5	75.0	55.5	Đạt khá	Đạt xuất sắc	0	0.0
4	665672	Nguyễn Văn D	1/15/2000	THA-K65	52.0	77.9	71.7	56.3	62.5	58.3	66.5	Đạt khá	<b>Tổng số SV</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
5	665673	Nguyễn Văn E	1/16/2000	THA-K65	74.0	86.8	63.0	62.5	37.5	66.7	73.0	Đạt tốt			
6	665674	Nguyễn Văn F	1/17/2000	THA-K65	64.0	79.4	54.3	62.5	50.0	83.3	67.5	Đạt khá			
7	665675	Nguyễn Văn G	1/18/2000	THA-K65	98.0	39.7	91.3	62.5	75.0	58.3	70.5	Đạt tốt			
8	665676	Nguyễn Văn H	1/19/2000	THA-K65	64.0	36.8	76.1	75.0	87.5	100.0	61.5	Đạt khá			
9	665677	Nguyễn Văn M	1/20/2000	THA-K65	88.0	29.4	71.7	62.5	50.0	41.7	58.0	Đạt khá			
10	665678	Nguyễn Văn N	1/21/2000	THA-K65	76.0	55.9	39.1	62.5	25.0	25.0	54.5	Đạt			

**PHỤ LỤC 5**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

KHOA ...

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA**

HỌC PHẦN.....

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO.....

CLO/CI	Tỷ lệ người học đạt chuẩn đầu ra học phần thông qua kết quả kiểm tra, đánh giá (%)					Tỷ lệ người học đạt chuẩn đầu ra học phần thông qua khảo sát (%)					Kết luận
	Không đạt	Đạt	Đạt khá	Đạt tốt	Đạt xuất sắc	Không đạt	Đạt	Đạt khá	Đạt tốt	Đạt xuất sắc	
CLO1. ...											<i>Ví dụ: Nhiều sinh viên không đạt, cần cải tiến</i>
CI1.1. ...											
CI1.2. ...											
CLO2. ...											
CI2.1. ...											
CI2.2. ...											
CLOn											
CIn.1											
CIn.2											
Học phần											

**GIẢNG VIÊN PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC 6**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**KHOA .....**

**BẢNG ĐỐI SÁNH**

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC  
PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

STT	Kết quả đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra năm học ... (Năm học liền trước năm đánh giá)	Kết quả đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra năm học ...	Đánh giá kết quả	Phân tích nguyên nhân
I	<b>ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN</b>			
1.1				
...				
...				
II	<b>ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...</b>			
2.1				
...				
...				

**Trưởng đơn vị**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC 7**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)*

**HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

**KHOA .....**

**KẾ HOẠCH****CẢI TIẾN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Người phụ trách</b>	<b>Kết quả dự kiến</b>
...				

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**PHỤ LỤC 8**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

KHOA..... **PHIẾU KHẢO SÁT**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ... MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....**  
**TRÌNH ĐỘ.....**

Để giúp nâng cao chất lượng dạy và học của chương trình đào tạo và đảm bảo người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, đề nghị anh/chị cho ý kiến tự đánh giá mức độ bản thân anh/chị có thể đạt được các chỉ báo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo dưới đây bằng cách điền vào ô “Tỷ lệ đạt” tỷ lệ phần trăm mức độ đạt:

STT	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Chỉ báo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Tỷ lệ đạt (%)
<b>Kiến thức</b>			
1	PLO1. ...	PI1.1. ...	
2		PI1.2. ...	
3	...	...	
	...	...	
<b>Kỹ năng</b>			
...	...	...	
...	...	...	
...	...	...	
...	...	...	
...	...	...	
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
...	...	...	
...	...	...	
...	...	...	

*Chân thành cảm ơn anh/chị*

PHỤ LỤC 9.1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHỈ BẢO CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Table with columns for course name, student ID, and various assessment metrics (PLO1-PLO7, PLO8-PLO10, PLO11-PLO13, PLO14-PLO16, PLO17-PLO19, PLO20-PLO22, PLO23-PLO25, PLO26-PLO28, PLO29-PLO31, PLO32-PLO34, PLO35-PLO37, PLO38-PLO40, PLO41-PLO43, PLO44-PLO46, PLO47-PLO49, PLO50-PLO52, PLO53-PLO55, PLO56-PLO58, PLO59-PLO61, PLO62-PLO64, PLO65-PLO67, PLO68-PLO70, PLO71-PLO73, PLO74-PLO76, PLO77-PLO79, PLO80-PLO82, PLO83-PLO85, PLO86-PLO88, PLO89-PLO91, PLO92-PLO94, PLO95-PLO97, PLO98-PLO100). Includes sub-headers for 'Chuyên đầu ra chương trình đào tạo' and 'Tên hợp phần'.

**PHỤ LỤC 9.2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT  
MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

1 KHOA ...																			
2 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...																			
3 BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO																			
4 TT	5 MÃ SV	6 Họ tên	7 Tên Lớp	8 Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo										9 Mức độ NH đạt PLO	10 Kết quả	11 Tổng hợp số lượng và tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra học phần			
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10						
12	1	665669	Nguyễn Văn A	THA-K65	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	Không đạt	Mức	Số SV	Tỷ lệ
13	2	665670	Nguyễn Văn B	THA-K65	33.33	33.33	35.00	50.00	45.00	45.00	46.67	45.00	46.67	45.00	42.50	Đạt	Không đạt	6	6.0
14	3	665671	Nguyễn Văn C	THA-K65	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	Không đạt	Đạt	25	25.0
15	4	665672	Nguyễn Văn D	THA-K65	33.33	33.33	35.00	50.00	45.00	45.00	46.67	45.00	46.67	45.00	42.50	Đạt	Đạt khá	46	46.0
16	5	665673	Nguyễn Văn E	THA-K65	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	Không đạt	Đạt tốt	22	22.0
17	6	665674	Nguyễn Văn F	THA-K65	33.33	33.33	35.00	50.00	45.00	45.00	46.67	45.00	46.67	45.00	42.50	Đạt	Đạt xuất sắc	1	1.0
18	7	665675	Nguyễn Văn G	THA-K65	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	Không đạt	Tổng số SV	100	100.0
19	8	665676	Nguyễn Văn H	THA-K65	33.33	33.33	35.00	50.00	45.00	45.00	46.67	45.00	46.67	45.00	42.50	Đạt			
20	9	665677	Nguyễn Văn M	THA-K65	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	Không đạt			
21	10	665678	Nguyễn Văn N	THA-K65	33.33	33.33	35.00	50.00	45.00	45.00	46.67	45.00	46.67	45.00	42.50	Đạt			
22	11	665679	Nguyễn Văn K	THA-K65	62.33	76.00	60.00	74.33	68.33	60.00	73.33	68.33	73.33	68.33	68.43	Đạt khá			
23	12	665680	Nguyễn Văn O	THA-K65	51.67	71.67	58.33	50.00	60.00	58.33	50.00	60.00	50.00	60.00	57.00	Đạt khá			
24	13	665681	Nguyễn Văn A	THA-K65	46.33	58.33	64.67	43.00	73.33	64.67	40.00	73.33	40.00	73.33	57.70	Đạt khá			
25	14	665682	Nguyễn Văn B	THA-K65	41.00	46.67	61.67	38.33	70.00	61.67	38.33	70.00	38.33	70.00	53.60	Đạt			
26	15	665683	Nguyễn Văn C	THA-K65	67.67	72.67	71.67	66.00	75.00	71.67	63.33	75.00	63.33	75.00	70.13	Đạt tốt			
27	16	665684	Nguyễn Văn D	THA-K65	53.33	51.67	48.33	63.33	48.33	45.00	60.00	48.33	63.33	53.33	53.50	Đạt			
28	17	665685	Nguyễn Văn E	THA-K65	60.00	56.67	61.67	61.67	53.33	61.67	63.33	53.33	61.67	53.33	58.67	Đạt khá			
29	18	665686	Nguyễn Văn F	THA-K65	48.33	58.33	68.33	56.67	70.00	68.33	56.67	70.00	56.67	70.00	62.33	Đạt khá			
30	19	665687	Nguyễn Văn G	THA-K65	73.00	79.67	68.33	71.33	76.67	68.33	71.67	76.67	71.67	73.33	73.07	Đạt tốt			
31	20	665688	Nguyễn Văn H	THA-K65	60.00	72.33	75.00	70.00	76.67	75.00	70.00	76.67	70.00	76.67	72.23	Đạt tốt			
32	21	665689	Nguyễn Văn M	THA-K65	61.67	74.33	80.00	71.67	71.67	80.00	71.67	71.67	71.67	71.67	72.60	Đạt tốt			
33	22	665690	Nguyễn Văn N	THA-K65	57.33	77.33	65.00	59.00	70.00	65.00	59.00	70.00	59.00	70.00	65.17	Đạt khá			

**PHỤ LỤC 10a**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

**ĐÁNH GIÁ**  
**MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THÔNG QUA**  
**ĐIỂM HỌC PHẦN**

MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA HỌC PHẦN CHO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO..... VERSION NĂM.....																									
					Hướng dẫn:		- Thêm/Xóa CDR và học phần sao cho tương thích với bảng IPRM của CTĐT																		
					- Ma trận dưới đây là ví dụ, Khoa bổ sung đầy đủ thông tin của CTĐT vào các cột: (1) Nội dung của CDR, (2) Năm, (3) Học kỳ, (4) Số tín chỉ, (5) Mã học phần, (6) Tên học phần, (7) Mức độ đóng góp của học phần vào CDR của CTĐT.																				
TT	Năm	Học kỳ	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12	CDR13	CDR14	I	P	R	M	Tổng	
						Nội dung CDR1	Nội dung CDR2	Nội dung CDR3	Nội dung CDR4	Nội dung CDR5	Nội dung CDR6	Nội dung CDR7	Nội dung CDR8	Nội dung CDR9	Nội dung CDR10	Nội dung CDR11	Nội dung CDR12	Nội dung CDR13	Nội dung CDR14						
1	1	1		HP1	Những NL cơ bản của CNMLN 1	F				I					P	P			I	2	3	0	0	5	
2	1	1		HP2	Tin học đại cương	F						R		I		I		I		3	1	1	0	5	
3	1	1		HP3	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế 1	I								P		P			I	2	2	0	0	4	
4	1	1		HP4	Địa lý kinh tế	I			I	P			R		I		I			4	1	1	0	6	
5	1	1		HP5	Kinh tế vi mô 1		R			P			P			I				1	2	1	0	4	
6	1	1		HP6	Giao tiếp công chúng	M						P				P				0	2	0	1	3	
7	1	1		HP7	Tổng anh bổ trợ	F						P				P				0	3	0	0	3	
8	1	1		HP8	Giáo dục thể chất đại cương	F						I				I		P		2	2	0	0	4	
9	1	1		HP9	Kinh tế vi mô 1		R			P			P			I				1	2	1	0	4	
10	1	1		HP10	Pháp luật đại cương	F				P			P		I					1	3	0	0	4	







**PHỤ LỤC 11**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6521/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

KHOA ...

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA**  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....  
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO.....

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được áp dụng	Phương pháp đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra		Dự kiến các hoạt động cải tiến	Minh chứng dự kiến các hoạt động cải tiến
	Người học tự đánh giá theo điểm đạt được của các học phần (Phụ lục 10a, Phụ lục 10b)	Người học tự đánh giá tại thời điểm tốt nghiệp (Phụ lục 9.2)		
<i>Vi dụ: PLO năm 2019</i>	<u>Hướng dẫn:</u> Khoa tổng hợp kết quả đánh giá của sinh viên năm 1, năm 2, năm 3, năm 4. <u>Vi dụ:</u> 50% sinh viên năm 1 không đạt chỉ báo/PLO 1 do không đạt môn A.	<u>Hướng dẫn:</u> Khoa thống kê kết quả SV tự đánh giá. <u>Vi dụ:</u> 90% sinh viên tự đánh giá đạt “Đạt được toàn bộ” ở tất cả CDR, 10% tự đánh giá “Đạt được một phần” ở năng lực ngoại ngữ Hoặc Chưa tốt nghiệp nên chưa tự đánh giá	<u>Hướng dẫn:</u> Khoa và bộ môn quản lý CTĐT triển khai họp về kết quả đánh giá mức độ SV đạt CDR của CTĐT và đưa ra các cải tiến để nâng cao chất lượng. <u>Vi dụ:</u> Thay đổi giáo trình và cải tiến phương pháp giảng dạy các môn ngoại ngữ	<i>Vi dụ:</i> (1) Phiếu tự đánh giá của người học năm 1, năm 2, năm 3, năm 4 (2) Phiếu tự đánh giá của người học tốt nghiệp năm ... (3) Văn bản/tài liệu thể hiện các cải tiến thực hiện.

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

